

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/DS-ST
Ngày: 16/8/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1982; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị H là chòm xóm láng giềng. Chị và chị H không có quan hệ bà con ruột thịt. Chị là chủ hội của một số dây hội mà chị H tham gia góp hội. Chị H có tham gia góp hội 02 phần trong 02 dây hội do chị làm chủ hội. Do dây hội chị khai hội và mãn hội đã lâu nên chị không nhớ ngày tháng khai hội cụ thể và hội bao nhiêu phần, mãn ngày nào. Chị đã không còn lưu giữ danh sách hội. Chị H tham gia góp hội chung dây hội với chị Nguyễn Thị Bé H1 và anh Lê Thanh Q.

Khi chị đăng hội cho chị H có viết giấy đăng hội. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu chị H trả cho chị số tiền 22.000.000 đồng. Nay chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 250.000 đồng. Chị yêu cầu chị H trả cho chị số tiền 21.750.000 (hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Không yêu cầu chị H trả tiền lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị T là biên bản hoà giải cơ sở (bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị Ngọc T là chòm xóm láng giềng. Chị và chị T không có quan hệ bà con ruột thịt.

Chị có tham gia góp hội 02 phần trong 02 dây hội do chị T làm chủ hội. Do dây hội chị T khai hội và mãn hội đã lâu nên chị không nhớ ngày tháng cụ thể và hội cho bao nhiêu phần. Khi tham gia góp hội chị T không cung cấp danh sách hội cho chị nên chị không có giấy tờ gì để cung cấp cho Toà án. Chị tham gia góp hội chung dây hội với chị Nguyễn Thị Bé H1 và anh Lê Thanh Q.

Khi chị hốt hội thì chị có ký tên vào giấy đăng hội do chị T viết, nội dung như thế nào thì chị không nhớ.

Chị đã hốt hết các phần hội, hiện nay còn nợ lại của chị T là 22.000.000 đồng.

Khi chốt hội chết thì hai bên chỉ chốt với nhau bằng lời nói, không lập văn bản giấy tờ gì hết.

Chị đồng ý trả cho chị T số tiền hội chết 22.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần. Chị đồng ý trả dần cho chị T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa: chị T, chị H vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản

quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, hộ, hộ; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền hộ chết là 21.750.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả chị số tiền hộ chết 21.750.000 đồng; đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hộ”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, chị H

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị H trả số tiền hộ chết 21.750.000 đồng thấy rằng.

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền hộ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H thừa nhận còn nợ lại chị T số tiền hộ chết là 22.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị T số tiền này. Chị T thừa nhận chị H đã trả thêm được số tiền 250.000 đồng, chị T đồng ý khấu trừ vào số tiền hộ chị H còn nợ lại chị T, số tiền hộ chết chị H còn nợ lại là 21.750.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 07/6/2022 tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh

thể hiện chị H thừa nhận có nợ tiền của chị T và thoả thuận trả cho chị T 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng trong một tuần vào ngày chủ nhật hàng tuần cho đến khi trả hết nợ. Chứng cứ là biên bản hoà giải cơ sở ngày 07/6/2022 phù hợp lời khai lời trình bày của chị T, chị H có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị H về số tiền hội chết chị H còn nợ lại chị T là 21.750.000 đồng.

[3.2] Xét về yêu cầu của chị H xin được trả dần cho chị T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ thấy rằng:

Chị T và chị H đều thừa nhận hội do chị T tổ chức hiện nay đã mãn, chị T đã trả tiền hội mà chị H đã hốt cho các hội viên khác. Từ ngày chốt nợ hội và hoà giải tại ấp S xã T, huyện C ngày 07/6/2022 đến nay đã hơn 02 năm nhưng chị H chỉ mới trả cho chị T được số tiền 250.000 đồng, là chị H đã vi phạm thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của hội viên do vậy chị T yêu cầu chị H trả số tiền hội chết 21.750.000 đồng trả một lần là có căn cứ chấp nhận. Không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị H về việc xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, bêu, phường; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với chị Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 21.750.000 (hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009012 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.087.500 (một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị T, chị H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân